

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ” tại đường Nguyễn Du, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của của Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ tại Văn bản số 136/CV-BVM ngày 20 tháng 5 năm 2024 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 11/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ, địa chỉ trụ sở chính tại đường Nguyễn Du, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Nguyễn Du, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ.

1.4. Mã số thuế: 2600704724.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh về mắt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích của dự án 8.975,6m², trong đó: nhà A (Khoa khám bệnh; Khoa khám chữa bệnh chất lượng cao; Khoa nhãn nhi - khúc xạ; Khoa cận lâm sàng; Khoa dược - vật lý y tế; Phòng điều dưỡng; Khoa kết giác mạc - chấn thương; Khoa glacom - dịch kính - võng mạc; Khoa thể thủy tinh; Tổ kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa phẫu thuật, gây mê, hồi sức; Khu giặt) diện tích 463m²; nhà B (Ban giám đốc; Phòng kế hoạch tổng hợp - chỉ đạo tuyến; Phòng tổ chức hành chính & quản trị; Phòng tài chính; kế toán) diện tích 410m²; nhà C (Khu vực nhà ăn; Kho vật tư y tế) diện tích 180m² và các công trình phụ trợ (Nhà thuốc; khu xử lý nước thải; khu lưu giữ chất thải rắn; sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh...) tại đường Nguyễn Du, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm C (theo tiêu chí phân loại dự án Luật Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm III (theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: 110 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và các thủ tục pháp lý khác theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT, Sở Y tế;
- CVP, các PCVP;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ hoạt động tắm, rửa chân tay, nước thải rửa sàn (nhà A, B, C).
- Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh (nhà A, B, C).
- Nguồn số 3: nước thải phát sinh từ nhà ăn (nhà C).
- Nguồn số 4: nước thải phát sinh từ nhà giặt (nhà A).
- Nguồn số 5: nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Bệnh viện (nhà A).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 1 dòng nước thải là nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung khu vực phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: điểm xả nằm phía sau nhà máy nỏ của Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2359614; Y: 565073 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: gián đoạn.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Khuyến khích chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
4	COD	mg/l	120		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
11	Samonella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH		
14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh gồm:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động tắm, rửa chân tay, nước thải lau sàn của các nhà A, B, C được thu gom theo đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ nước thải từ các xí tiêu, xí bệt nhà vệ sinh của nhà A, B, C được thu gom dẫn về 4 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn (nhà C) được thu gom bằng đường ống D90, D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà giặt (nhà A) được thu gom theo đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải khám chữa bệnh, chuyên môn của bệnh viện từ nhà A, B, C được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt (cột B) theo QCVN 28:2010/BTNMT hệ số K = 1,2 và theo đường ống PVC D200, dài 20m xả vào hệ

thống thoát nước chung khu vực phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 4 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 15 m³/bể).

+ 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày đêm gồm: bể gom nước thải đầu vào (6,6m³), bể điều hòa (43,75m³), bể chứa bùn (6,6m³), thiết bị hợp khối gồm: 2 bể xử lý yếm khí (9,88 m³/bể), 2 bể xử lý hiếu khí (9,88 m³/bể) và 1 bể khử trùng (9,25m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: nước thải {(nước tắm, rửa chân tay, lau sàn → song chắn rác) + (nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại) + nước thải nhà ăn + nước thải từ nhà giặt + nước thải khám, chữa bệnh} → bể gom nước thải đầu vào → bể điều hòa → thiết bị hợp khối (bể yếm khí → bể hiếu khí → bể khử trùng) → hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống có 1 bể chứa bùn.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clo.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Trường hợp nước thải sau xử lý gặp sự cố phải dừng hoạt động xả nước thải và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 3 tháng, từ ngày 31/7/2024 đến ngày 30/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải đầu vào.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (tại bể khử trùng).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; thực hiện quan trắc định kỳ đã đề xuất, được cấp phép, trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nhà đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ X: 2359582; Y: 565105 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104^o45' múi chiều 3^o).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.
- Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng. Thiết kế, lắp đặt vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng đặt máy phát điện; lắp vật liệu chống rung đối với máy phát điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Chủng loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	1.440
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế)	13 03 02	5
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	5
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	5
5	Pin ắc quy thải	16 01 12	5
6	Chất thải hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	10
Tổng			1.470

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh bao gồm:

- Chất thải là vật liệu giấy, nhựa (chai truyền dịch, chai nhựa đựng thuốc, chai đựng hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào...); lon nước giải khát; các vỏ chai, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ không dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào...: 600 kg/năm; bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: 600 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 12,775 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: lưu chứa vào thùng chứa màu vàng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ. Thùng màu vàng được sử dụng lưu giữ loại 10 lít, 120 lít.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: lưu chứa vào hộp kháng trùng có màu vàng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Lưu chứa vào thùng chứa màu đen được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ. Thùng màu đen được sử dụng lưu giữ loại 120 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 15m². Riêng chất thải lây nhiễm được lưu chứa tại thiết bị bảo quản lạnh chất thải lây nhiễm dưới 8°C dung tích 500L.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho lưu chứa CTNH có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có cửa, có biển báo, biển cảnh báo, có mái che kín; được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Bệnh viện thu gom về các thùng chứa màu trắng được dán nhãn, mã số chất thải đầy đủ, loại 10 lít, 120 lít, 240 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Kho lưu chứa: diện tích 12m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho lưu chứa chất thải rắn thông thường có kết cấu tường bê tông, nền lát xi măng, mái lợp tôn kín.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Bệnh viện lưu giữ tại thùng chứa màu xanh đặt tại khoa, phòng chức năng của Bệnh viện và dọc đường giao thông nội bộ gồm các loại 10 lít, 60 lít, 120 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Kho lưu chứa: diện tích 7,5m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: kho lưu chứa chất thải sinh hoạt có kết cấu tường tôn, nền lát xi măng, mái lợp tôn kín.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.